

Bản án số: 302/2023/HS-ST

Ngày: 21- 8- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Ông Trịnh Xuân Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Huy A - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 316/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2023/QĐXXST - HS ngày 07/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn V - sinh năm 1996 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T và bà: Phùng Thị T1; Tiền án: năm 2019 bị TAND quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2021 bị TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: không; tạm giữ: ngày 22/5/2023; tạm giam: 31/5/2023 tại nhà tạm giam Công an thành phố T, “có mặt”.

2. Hà Văn H - sinh năm 1994 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn H1 và bà: Hoàng Thị T2; vợ: Mai Thị A1 (ly hôn) và 02 con; Tiền án: năm 2021 bị TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tổng hợp với 12 tháng tù của bản án năm 2019, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 36 tháng tù; tiền sự: không; nhân thân: năm 2019 bị TAND quận Nam Từ Liêm, TP

Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tạm giữ: ngày 22/5/2023; tạm giam: 31/5/2023 tại nhà tạm giữ Công an thành phố T, “có mặt”.

Bị hại:

1. Cửa hàng W+ thuộc Công ty cổ phần D+

Địa chỉ: Lô B N, Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị T3, sinh năm 1990 “vắng mặt”

Địa chỉ: Căn hộ A, CT3 Chung cư X, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Cửa hàng W+ thuộc Công ty cổ phần D+

Địa chỉ: Số C Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Hồng N, SN 1991

Địa chỉ: SN C P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền ăn chơi và chi tiêu cá nhân, từ ngày 13/5 đến ngày 22/5/2023 Hoàng Văn V và Hà Văn H đã rủ nhau thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T cụ thể sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00h ngày 13/5/2023, Hà Văn H và Hoàng Văn V mang theo 01 kim cọng lực và 01 tua vít đến cửa hàng W+ ở Lô B, N, Đ, phường Đ, thành phố T để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cửa hàng, V dùng kim cọng lực cắt ổ khóa cửa chính, còn H đi lại chỗ bến xe bus gần đó ngồi canh giới. Được một lúc, V đi chỗ của H và nói “cắt xong ổ khóa rồi, anh vào xem có gì thì lấy”. H đi về phía cửa hàng, thấy ổ khóa cửa bị cắt, H cầm lấy và vít ổ khóa ra ngoài rồi nâng cửa cuốn lên, đẩy cửa kính đi vào bên trong lại quây thu ngân mở ngăn kéo lấy được số tiền 12.373.000đ và 01 chiếc máy tính bảng Huawei màn đen ở trong ngăn kéo rồi đi ra ngoài kéo cửa xuống và đi lại chỗ V đang đứng. Sau đó, H và V về phòng trọ, H chi cho V số tiền 2.500.000đ, còn H giữ số tiền 9.500.000đ, số tiền còn lại 373.000đ cả hai sử dụng để ăn uống. Đến sáng cùng ngày, H và V đến cửa hàng mua bán điện thoại ở D N, phường B, thành phố T để bán chiếc máy tính bảng. Khi đến nơi V đứng ngoài còn H đi vào bên trong bán chiếc máy tính bảng cho anh Trịnh Xuân T4, sinh năm 1990, trú tại A, Chung cư C, phường Đ, thành phố T là chủ cửa hàng được 1.700.000đ. H đi ra ngoài đưa tiền cho V cầm, sau đó cả hai sử dụng số tiền trên tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 21h ngày 21/5/2023, H và V đến cửa hàng W+ ở C Q, phường Đ, thành phố T thì thấy cửa hàng đang hoạt động nên H và V ở ngoài quan

sát tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến 00h30 phút, ngày 22/5/2023 sau khi thấy cửa hàng đóng cửa và các nhân viên đã ra về. Vượng đi lại cửa chính của cửa hàng dùng tay nâng cửa cuốn lên, H lấy viên gạch chèn cửa cuốn lại. Thấy cửa kính bên trong không khóa nên V đẩy cửa cho Hồng chui vào, còn V đứng ngoài cảnh giới. Khi vào được bên trong, H đi lại quầy thu ngân của cửa hàng lục ngăn kéo lấy được 490.000đ rồi cất vào trong túi quần. Sau đó, H nhìn xung quanh thì thấy 01 két sắt ở bàn thu ngân nên đã kéo ra giữa phòng nhưng do két nặng nên H nói với V “chỉ lấy được ít tiền lẻ thôi, còn két sắt có lấy không”, V nói “cứ vào đẩy ra rồi tính tiếp”. Lúc này, V đứng ở ngoài cảnh giới cho H, còn H đi vào phía bên trong cửa hàng để tiếp tục đẩy két sắt ra. Khi H đang đẩy két sắt ra đến cửa thì bị Công an phường Đ, thành phố T phát hiện bắt quả tang và thu giữ tại chỗ số tiền 490.000đ. Tiến hành kiểm tra bên trong két sắt có số tiền 17.200.000đ và 01 chiếc máy tính bảng Huawei.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Văn H và Hoàng Văn V nhưng không phát hiện và thu giữ được gì.

Ngày 02/6/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã định giá 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Huawei màu đen, model AGS3K-L09, Imei 86830050113067 đã qua sử dụng trị giá 2.000.000đ và 01 máy 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Huawei màu đen, model AGS3K0L09, Imei 968350050112929, chưa qua sử dụng trị giá 4.000.000đ.

Tổng tài sản các bị cáo trộm cắp tại 02 cửa hàng là 36.063.000đ. Chị N, chị T3 là người đại diện của 02 cửa hàng W+ đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với chiếc máy tính bảng trộm cắp ở phường Đ, khi đem bán cho anh Trịnh X, H nói là máy tính của mình. Anh T4 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh T4, anh T4 đã nhận lại số tiền 1.700.000đ do gia đình H bồi thường và không có đề nghị thêm về phần dân sự.

Đối với chiếc kim cộng lực và 01 tua vít là công cụ mà H và V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 264/CT-VKS ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Hoàng Văn Vượng về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hà Văn H bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo V). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 33 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H). Đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Trong các ngày 13/5 đến 22/5/2023 Hoàng Văn V và Hà Văn H đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại 02 cửa hàng W+ ở địa chỉ C Q, phường Đ và Lô B N Đ, phường Đ, thành phố T thuộc Công ty cổ phần D+ với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 36.063.000đ. Do bị cáo V đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Hoàng Văn V có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Văn H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng đêm tối, chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm

tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thống nhất rủ nhau đi trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ phạm tội và nhưng không bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo V là người cắt khóa cửa, cảnh giới để cho bị cáo H2 thực hiện hành vi trộm cắp nên 02 bị cáo có vai trò ngang nhau.

Do bị cáo V và H2 thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H2 có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không chịu cải sửa mà vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hành phạt cần căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho 02 bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật các bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ riêng cho bị cáo H2 có hoàn cảnh khó khăn, các con của bị cáo bị bệnh máu trắng và đang phải nuôi con có xác nhận của địa phương, căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T3 và chị Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền của 02 cửa hàng W+ thuộc Công ty cổ phần D+ đã nhận lại tài sản đầy đủ và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa các bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo V).

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H2).

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn V, Hà Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: H (ba ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2023.

H5 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa các bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy